

Số: 804 /QĐ-UBND

Bắc Giang, ngày 19 tháng 8 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án “Xây dựng CSHT khu dân cư thôn Chợ, Tân Lập, Giữa, xã An Dương, huyện Tân Yên”

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 27/2022/QĐ-UBND ngày 16/8/2022 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc Quy định một số nội dung thực hiện đánh giá tác động môi trường, giấy phép môi trường và phương án cải tạo, phục hồi môi trường trên địa bàn tỉnh Bắc Giang;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 411/TTr-TNMT ngày 15/8/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án “Xây dựng CSHT khu dân cư thôn Chợ, Tân Lập, Giữa, xã An Dương, huyện Tân Yên” (sau đây gọi là dự án) của UBND xã An Dương (sau đây gọi là chủ dự án) thực hiện tại xã An Dương, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức

1. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường, Hội đồng thẩm định¹: Chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về tính chính xác của các thông tin, số liệu trong hồ sơ

¹ thành lập theo Quyết định số 450/QĐ-TNMT ngày 19/6/2024 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường

báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án “Xây dựng CSHT khu dân cư thôn Chợ, Tân Lập, Giữa, xã An Dương, huyện Tân Yên” và kết quả thẩm định hồ sơ, trình UBND tỉnh phê duyệt các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường của dự án tại Điều 1 Quyết định này đã đảm bảo theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và pháp luật khác có liên quan.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Xây dựng, Sở Giao thông vận tải, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Chủ tịch UBND huyện Tân Yên; Chủ tịch UBND xã An Dương và tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- CCBVMT thuộc Sở TN&MT (lưu h/s);
- UBND xã An Dương (*trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công*);
- Văn phòng UBND tỉnh;
- + LĐVP (CVP, PCVP-PT), TH, KTN;
- + Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- + Trung tâm Phục vụ hành chính công;
- Lưu: VT, MT.Toàn

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Ô Pích

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
dự án “Xây dựng CSHT khu dân cư thôn Chợ, Tân Lập, Giữa,
xã An Dương, huyện Tân Yên”
(Kèm theo Quyết định số 804 /QĐ-UBND ngày 19 /8/2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

1. Thông tin về dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên dự án: Xây dựng CSHT khu dân cư thôn Chợ, Tân Lập, Giữa xã An Dương, huyện Tân Yên.
- Địa điểm thực hiện: tại xã An Dương, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.
- Chủ dự án: UBND xã An Dương

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất

* Phạm vi: Dự án được thực hiện tại xã An Dương, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang có diện tích 1,59 ha.

* Quy mô, công suất của dự án:

- Đầu tư xây dựng đồng bộ các công trình hạ tầng kỹ thuật bao gồm các hạng mục: San nền, đường giao thông, hệ thống thoát nước thải, nước mưa, bể lắng lọc xử lý nước thải; hệ thống cấp nước; hệ thống cấp điện khu dân cư trên diện tích 15.891,2 m².
- Quy mô dân số khoảng 260 người.
- Cơ cấu sản phẩm của dự án: 65 lô đất ở liền kề với tổng diện tích là 7.222,1 m².

1.3. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư

1.3.1. Các hạng mục công trình của dự án đầu tư bao gồm: San nền, đường giao thông, hệ thống thoát nước thải, nước mưa, bể lắng lọc xử lý nước thải; hệ thống cấp nước; hệ thống cấp điện khu dân cư.

1.3.2. Hoạt động của dự án đầu tư:

- Hoạt động thi công xây dựng các hạng mục công trình của dự án.
- Hoạt động vận hành dự án.

1.4. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường

Dự án có yêu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng 14.050,1 m² đất trồng lúa nước từ 02 vụ trở lên (LUC), là yếu tố nhạy cảm về môi trường theo quy định tại điểm đ khoản 4 Điều 25 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (sau đây viết tắt là Nghị định số 08/2022/NĐ-CP).

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường

2.1. Giai đoạn thi công, xây dựng

- Việc chiếm dụng đất: Dự án chiếm 15.891,2m² đất, trong đó: diện tích đất lúa 02 vụ (LUC) là 14.050,1 m²; diện tích đất giao thông là 516,7 m²; diện tích đất mặt nước, kênh mương thủy lợi là 1325,4 m².

- Hoạt động giải phóng mặt bằng:

+ Tác động do bom mìn tồn lưu trong đất.

+ Tác động do hoạt động chuẩn bị mặt bằng, phát quang thực vật.

+ Tác động từ hoạt động vận chuyển chất thải phát quang.

- Hoạt động thi công xây dựng các hạng mục công trình, hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu phục vụ thi công và đất, đá đi đổ thải.

+ Bụi, khí thải phát sinh từ các nguồn sau:

++ Từ hoạt động đào đắp, san gạt mặt bằng;

++ Từ hoạt động của các phương tiện giao thông trong quá trình vận chuyển đất đào đắp và nguyên, vật liệu xây dựng đến khu vực dự án,

++ Từ hoạt động đốt cháy nhiên liệu của các phương tiện thi công xây dựng.

++ Từ quá trình bóc dỡ nguyên vật liệu.

++ Từ quá trình thi công lớp cấp phối đá dăm.

++ Từ quá trình hàn.

+ Nước thải sinh hoạt của công nhân tham gia thi công xây dựng trên công trường; nước thải từ quá trình thi công, rửa máy móc, thiết bị và nước mưa chảy tràn trên bề mặt dự án.

+ Chất thải rắn sinh hoạt của công nhân thi công xây dựng; chất thải từ hoạt động đào đắp san nền và chất thải rắn xây dựng thông thường là xi măng, cát, đá, sấp thép xây dựng, gạch xây dựng, ...

+ Chất thải nguy hại (như: giẻ lau, găng tay dính dầu, bóng đèn huỳnh quang thải ...).

2.2. Giai đoạn vận hành dự án

* Bụi, khí thải:

- Khí thải phát sinh từ hoạt động đun nấu của các hộ dân.

- Bụi, khí thải phát sinh từ các phương tiện giao thông đi lại trong khu vực.

- Khí thải phát sinh từ hoạt động của máy điều hòa nhiệt độ.

- Mùi hôi phát sinh từ quá trình lưu giữ chất thải rắn; khí, mùi phát sinh từ bể tự hoại và bể lắng, từ hệ thống thu gom, thoát nước thải, nước mưa.

* Chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại:

- Tác động do chất thải rắn phát sinh trong quá trình sinh hoạt của các hộ dân sống trong khu vực dự án; bùn cặn phát sinh từ công tác nạo vét định kỳ hệ thống thoát nước mưa của dự án; bùn thải từ bể tự hoại, từ trạm xử lý nước thải.

- Tác động do chất thải nguy hại phát sinh từ dự án.

* Nước thải:

- Tác động do nước thải sinh hoạt phát sinh từ các hộ dân, các cơ quan, công trình công cộng trong khu vực dự án.

- Tác động do nước mưa chảy tràn trên bề mặt đường dự án sẽ rửa trôi, cuốn theo các chất bẩn vào hệ thống thoát nước khu vực dự án.

* Tác động khác:

- Tác động tới môi trường kinh tế - xã hội khu vực.

- Tác động do sự cố tai nạn giao thông, sự cố cháy nổ, sự cố sụt lún, sự cố bão lụt, ngập úng, sét, sự cố hệ thống thu gom chất thải, ...

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư

3.1. Giai đoạn thi công, xây dựng

3.1.1. Nước thải, khí thải:

* Nước thải:

- Nước thải phát sinh từ hoạt động thi công xây dựng (như: trộn bê tông, trộn vữa, rửa đá, tưới gạch, dưỡng hồ bê tông tại chỗ, rửa máy móc, thiết bị thi công ...) khoảng 1,5-3 m³/ngày đêm, với thông số ô nhiễm đặc trưng là chất rắn lơ lửng, BOD₅, COD, tổng dầu mỡ khoáng,

- Nước thải sinh hoạt của công nhân thi công xây dựng phát sinh khoảng 3,2 m³/ngày đêm, với thông số ô nhiễm đặc trưng là BOD₅, COD, tổng chất rắn lơ lửng (TSS), amoni, tổng Coliform, ...

- Nước mưa chảy tràn trên khu vực thi công xây dựng cuốn trôi các chất bẩn (như: nguyên vật liệu rơi vãi, đất đá, bao bì nilon,...) xuống các vùng thấp hơn ngoài công trường, trong đó có nguồn nước, với thông số ô nhiễm đặc trưng là BOD₅, tổng chất rắn lơ lửng (TSS)....

* Bụi, khí thải:

- Bụi phát sinh từ hoạt động đào đắp, san gạt mặt bằng; từ hoạt động của các phương tiện giao thông trong quá trình vận chuyển đất đào đắp và nguyên, vật liệu xây dựng đến khu vực dự án; từ hoạt động bóc dỡ, tập kết nguyên vật liệu xây dựng; từ quá trình thi công lớp cấp phối đá dăm, với thông số ô nhiễm đặc trưng là tổng bụi lơ lửng.

- Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động đốt cháy nhiên liệu của các phương tiện thi công xây dựng; từ quá trình hàn, với thông số ô nhiễm đặc trưng là CO, SO₂, NO_x, bụi,...

3.1.2. Chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại

* Chất thải rắn thông thường:

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của công nhân thi công xây dựng khoảng 20 kg/ngày.

- Chất thải rắn thông thường phát sinh từ quá trình phát quang thực vật, phá dỡ các công trình trên phân diện tích đất nông nghiệp khu vực dự án khoảng 100-200m³, với thành phần chủ yếu là cây cối, hoa màu, đầu mẩu gạch, vữa...

- Chất thải rắn thông thường phát sinh từ hoạt động thi công xây dựng (như: xi măng, cát, đá, sắt thép, gạch xây dựng...) khoảng 10,3 tấn.

- Đất bóc hữu cơ phát sinh khoảng 2.810,02 m³.

- Đất đào nền đường giao thông, đào móng các công trình xây dựng phát sinh khoảng 1.117,2 m³.

- * Chất thải nguy hại (như: giẻ lau dính dầu mỡ, dầu tổng hợp thải, can đựng dầu diesel và mỡ bôi trơn,...) phát sinh khoảng 10 - 15 kg/tháng.

3.1.3. Tiếng ồn, độ rung

- Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ hoạt động của máy móc, thiết bị thi công xây dựng; từ hoạt động của các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

3.1.4. Các tác động khác

- Tác động đến kinh tế - xã hội khu vực, tác động đến giao thông khu vực và trên tuyến đường vận chuyển; tác động đến người tham gia giao thông; tác động đến hệ sinh thái, sản xuất nông nghiệp, ...

- Tác động do sự cố tai nạn lao động; sự cố tai nạn giao thông; sự cố cháy nổ, thiên tai, ...

3.2. Giai đoạn vận hành dự án

3.2.1. Nước thải, khí thải

- * Nước thải:

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ các hộ dân, cơ quan, công trình công cộng trong khu vực dự án khoảng 37,44 m³/ngày đêm, với thông số ô nhiễm đặc trưng là tổng chất rắn lơ lửng (TSS), BOD₅, tổng Coliforms, ...

- Nước mưa chảy tràn trên khu vực kéo theo đất, cát, chất cặn bã xuống cống thoát nước xung quanh, với thông số ô nhiễm đặc trưng là BOD₅, tổng chất rắn lơ lửng (TSS)...

- * Bụi, khí thải:

- Khí thải từ hoạt động đun nấu trong khu vực dự án có thông số ô nhiễm đặc trưng là bụi, CO, NO₂, SO₂, THC, ...

- Bụi, khí thải phát sinh từ phương tiện giao thông có thông số ô nhiễm đặc trưng là bụi TSP, NO₂, SO₂, CO, ...

- Khí thải phát sinh từ hoạt động của máy điều hòa nhiệt độ có thông số ô nhiễm đặc trưng là CHF₃, CH₂F₂, C₄F₁₀, ...

- Khí, mùi phát sinh từ bể tự hoại và bể lắng; từ khu lưu giữ chất thải; từ hệ thống thu gom, thoát nước thải, nước mưa, với thông số ô nhiễm đặc trưng là NH₃, H₂S, mercaptane, CO₂, CH₄, ...

3.2.2. Chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại

* Chất thải rắn thông thường:

- Chất thải sinh hoạt phát sinh từ các hộ dân sinh sống trong khu vực dự án khoảng 180 kg/ngày.

- Bùn thải phát sinh từ bể tự hoại, trạm xử lý nước thải khoảng 10,4 m³/năm;

- Chất thải rắn phát sinh từ quá trình bảo dưỡng, duy tu công trình hạ tầng kỹ thuật (như: bùn, cặn từ hoạt động nạo vét cống, rãnh thoát nước) khoảng 25m³/năm; bê tông thải phát sinh từ hoạt động sửa chữa đường giao thông nội bộ khoảng 50 m³/lần (khoảng 3-5 năm sửa đường 1 lần),...

* Chất thải nguy hại (như: bóng đèn huỳnh quang thải, găng tay dính dầu...) phát sinh khoảng 474,5 kg/năm.

3.2.3. Tiếng ồn, độ rung

- Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ hoạt động của phương tiện giao thông, từ hoạt động sinh hoạt của hộ dân trong khu vực dự án.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

3.2.4. Các tác động khác

- Tác động đến kinh tế - xã hội khu vực; đến an ninh trật tự,...

- Tác động do sự cố cháy nổ; sự cố ngập úng; sự cố tắc, vỡ đường ống thu gom nước thải, bể lắng xử lý nước thải...

4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư

4.1. Giai đoạn thi công, xây dựng

4.1.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải

4.1.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải

- Nước thải sinh hoạt:

+ Bố trí 04 nhà vệ sinh di động tạm thời có bể chứa chất thải (Mỗi nhà vệ sinh có 01 bể chứa chất thải, dung tích khoảng 2,5m³) tại khu vực lán trại và trên công trường.

+ Chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng đến hút chất thải tại bể chứa chất thải nhà vệ sinh đem đi xử lý theo quy định (tần suất từ 3-5 ngày/lần).

- Nước thải thi công:

+ Nước thải xây dựng: Bố trí 03 thùng phuy, dung tích 200 lít/thùng để chứa nước phục vụ vệ sinh máy móc, thiết bị, sau đó nước này được tận dụng cho công tác dập bụi tại khu vực công trường thi công, không thoát ra hệ thống thoát nước của khu vực.

+ Nước thải từ rửa bánh xe được thu vào hố lắng, tận dụng tưới ẩm công trường, dập bụi, bảo dưỡng bê tông.

- Nước mưa chảy tràn:

+ Vạch tuyến phân vùng thoát nước mưa trong và xung quanh khu vực thi công theo độ dốc tự nhiên để thu gom nước mưa tránh chảy tràn lan ra bên ngoài.

+ Thiết kế rãnh thoát nước tạm thời giai đoạn thi công dự án là rãnh đất chiều rộng 1m, chiều sâu 1m, trên rãnh thoát nước có bố trí các hố ga lắng cặn, kích thước 2mx2mx1,5m, khoảng cách trung bình từ 50m để tránh ùn tắc đất, đá trên tuyến thoát nước. Các tuyến thoát nước mưa này được nạo vét định kỳ (01 tháng/lần) đảm bảo bùn đất, rác thải không làm ảnh hưởng tới dòng chảy.

4.1.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải

- Tất cả các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu (như: đất, cát, xi măng, đá...) được phủ kín thùng xe để ngăn ngừa phát tán bụi vào môi trường.

- Định kỳ bảo dưỡng máy móc, thiết bị thi công đảm bảo hoạt động trạng thái tốt nhất, hạn chế tiếng ồn và khói thải ở mức thấp nhất.

- Đưa ra lịch trình thi công hợp lý, giảm mật độ các loại phương tiện thi công trong cùng một thời điểm. Không vận chuyển vào các giờ cao để giảm thiểu mật độ giao thông.

- Sử dụng hàng rào tôn cao 2m che chắn xung quanh khu vực dự án để cách ly và giảm thiểu tác động của bụi tới môi trường xung quanh dự án.

- Thực hiện phun nước tưới ẩm để dập bụi (tần suất 3 - 5 lần/ngày), tập trung nhiều vào thời điểm hanh khô.

- Trang bị đầy đủ các trang thiết bị bảo hộ lao động cho công nhân làm việc tại công trường và tuyệt đối tuân thủ các quy định về an toàn lao động khi lập phương án tổ chức thi công; đồng thời tăng cường kiểm tra, nhắc nhở công nhân sử dụng trang bị bảo hộ lao động khi làm việc.

- Các phương tiện đi ra khỏi công trường được vệ sinh sạch sẽ, tránh đất rơi vãi hoặc dính vào bánh xe ra đường.

- Đối với lớp cấp phối đá dăm: Thi công cuốn chiếu, thực hiện đến đâu dọn sạch đến đó. Thực hiện phun nước tưới ẩm thường xuyên khu vực thi công đặc biệt vào thời tiết khô hanh, với tần suất 2-3 lần/ngày.

- Đối với công đoạn hàn: Trong quá trình hàn cắt kim loại che chắn bằng các vật liệu không cháy hoặc di chuyển các vật liệu dễ cháy ra khỏi khu vực hàn cắt (tối thiểu 10m). Không để vảy hàn có nhiệt độ cao tiếp xúc với các vật liệu dễ cháy, phải có biện pháp an toàn phòng cháy, chữa cháy và phương án xử lý cháy, nổ. Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân trực tiếp hàn.

4.1.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại.

4.1.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

- Chất thải rắn sinh hoạt:

+ Bố trí khoảng 10 thùng chứa có nắp đậy, dung tích 20 lít/thùng, đặt tại vị trí lán trại của công nhân để thu gom chất thải.

+ Chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định (tần suất 1-2 ngày/lần).

- Chất thải phát quang:

+ Trước khi thi công 02 tháng, thực hiện thông báo kế hoạch thi công đến địa phương nơi có các hộ dân có đất nằm trong dự án để người dân có kế hoạch gieo trồng và thu hoạch nông sản phù hợp, tránh gây lãng phí.

+ Tạo điều kiện để cho các hộ dân thu gom toàn bộ cây trồng trên đất tận dụng tối đa vào các mục đích khác nhau.

+ Nghiêm cấm mọi hành vi đốt các phế thải sau khi phát quang, thu dọn tại khu vực dự án.

+ Phần chất thải còn lại không tận dụng được sẽ tiến hành thu gom và vận chuyển đến bãi đổ thải của địa phương.

- Chất thải rắn phát sinh từ hoạt động phát quang thực vật; dọn dẹp mặt bằng thi công: Đối với cây cối cho người dân tận dụng làm chất đốt, đối với đất, đá, đầu mâu gạch vỡ... được sử dụng để san lấp mặt bằng trong dự án. Phần còn lại không tận dụng được, chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý theo quy định (tần suất 01 tuần/lần).

- Đất bóc hữu cơ khoảng 2.810,02 m³, trong đó: Sử dụng 347,35 m³ để đắp lô cây xanh của dự án (diện tích 224 m²); sử dụng 2.462,67 m³ để sử dụng trồng cây ăn quả tại vườn của hộ dân thuộc thôn Chợ, xã An Dương, huyện Tân Yên (diện tích 1.120m²), không vận chuyển đất thừa ra khỏi địa bàn xã.

- Đất đào nền đường giao thông, đào móng các công trình xây dựng khoảng 1.117,2m³ được tận dụng để lấp móng các công trình, đắp taluy và các lô đất trong dự án, khi đó chủ dự án có trách nhiệm thực hiện các thủ tục theo quy định của pháp luật về khoáng sản và pháp luật khác có liên quan.

- Chất thải xây dựng được phân loại và xử lý như sau:

+ Các chất thải có thể tái sử dụng (như: sắt, thép,...) được bán cho đơn vị có chức năng để tái chế, tái sử dụng.

+ Các loại chất thải không tái sử dụng (như: gạch vỡ thừa, bê tông khô, ...) được vận chuyển về bãi đổ thải của dự án (tần suất 10 - 15 ngày/lần).

(bãi đổ thải của dự án có vị trí tại bãi rác thải tập trung của xã Liên Chung, với diện tích khoảng 5.000 m², chiều cao đổ thải từ 1 - 1,5m, cách dự án khoảng 7,0 km).

4.1.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

- Bố trí 04 thùng phi có nắp đậy, dung tích 200 lít/thùng để thu gom, lưu giữ chất thải. Mỗi thùng chứa chất thải nguy hại có dán nhãn tên, mã chất thải

nguy hại, được lưu chứa tại kho chứa chất thải nguy hại tạm thời có diện tích 10m² trong khu vực công trường (kho chứa: nền xi măng, mái lợp tôn, cửa lưới thép, có biển cảnh báo).

- Hạn chế tối đa việc sửa chữa máy móc, thiết bị thi công trong khu vực dự án. Các phương tiện này được đưa đến các Gara để rửa, sửa chữa và bảo dưỡng nhằm hạn chế phát sinh chất thải.

- Chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý theo quy định ngay sau khi kết thúc giai đoạn thi công xây dựng.

4.1.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

- Máy móc, thiết bị phải được kiểm định đạt tiêu chuẩn.

- Thường xuyên duy tu, bảo dưỡng các thiết bị, máy móc đảm bảo hoạt động hiệu quả.

- Tắt những máy móc hoạt động gián đoạn nếu thấy không cần thiết để giảm thiểu mức ồn tích lũy ở mức thấp nhất.

- Trang bị các dụng cụ bảo hộ lao động cho công nhân tiếp xúc trực tiếp với nguồn phát sinh tiếng ồn (như: nút tai, bao tai, ...).

- Xây dựng lịch trình thi công hợp lý nhằm giảm mật độ các loại phương tiện thi công trong cùng một thời điểm.

- Không sử dụng máy móc có tiếng ồn lớn vào ban đêm và giờ nghỉ trưa để tránh tác động đến sinh hoạt của người dân. Thời gian thi công hoạt động từ 07h30-11h và 13h-18h.

4.1.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

- Phổ biến cho tất cả cán bộ, công nhân thi công xây dựng trên công trường hiểu biết về nội quy lao động và an toàn lao động, thường xuyên nhắc nhở đôn đốc công nhân thực hiện đúng nội quy.

- Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân.

- Đặt các biển cảnh báo cho người dân trong vùng biết công trường đang thi công, khu vực xe ra, vào thường xuyên để người dân cảnh giác tránh gây các trường hợp tai nạn giao thông xảy ra.

- Thường xuyên kiểm tra, bảo trì, bảo dưỡng các thiết bị vận tải để các phương tiện luôn hoạt động trong trạng thái tốt nhất. Các xe tải vận chuyển luôn trong tình trạng hoạt động tốt, không bị hư hỏng phanh xe, lốp xe, còi, ...

- Xây dựng nội quy phòng cháy, chữa cháy và kế hoạch ứng cứu sự cố cháy nổ theo quy định. Đồng thời, công nhân trực tiếp làm việc tại công trường sẽ được tập huấn, hướng dẫn các phương pháp phòng, chống cháy nổ.

4.2. Giai đoạn vận hành dự án

4.2.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải

4.2.1.1. Đối với xử lý bụi, khí thải

- Các tuyến đường chính, đường liên khu vực trong dự án được bê tông hóa.
- Trồng cây xanh dọc các tuyến đường, khuôn viên, khu vực đất trống tạo cảnh quan, không gian xanh.
- Khuyến khích các hộ dân sử dụng lắp đặt các loại điều hòa theo công nghệ mới, tiết kiệm điện năng thân thiện môi trường, tắt khi không sử dụng để tiết kiệm năng lượng và không gây quá tải cho hệ thống cấp điện.
- Thu gom toàn bộ lượng chất thải rắn phát sinh, không để chất thải rắn tồn đọng qua ngày hôm sau và các thùng chứa chất thải rắn đều có nắp đậy.
- Toàn bộ rác thải sinh hoạt phát sinh từ các hộ dân trong khu vực dự án được tổ vệ sinh môi trường địa phương tới thu gom và mang đi xử lý hàng ngày.

4.2.1.2. Đối với thu gom và xử lý nước thải

a) Nước thải sinh hoạt:

- Xây dựng mạng lưới thu gom nước thải riêng rẽ với mạng lưới thoát nước mưa.
- Hệ thống thoát nước thải của dự án nhằm thu gom toàn bộ nước thải của các hộ dân sinh sống trong phạm vi dự án. Cụ thể như sau:

* Khi dự án đi vào hoạt động và trạm xử lý nước thải tập trung của xã An Dương đã được xây dựng xong:

+ Nước thải nhà vệ sinh từ các lô đất sẽ được thu gom theo đường ống PVC 110 về xử lý tại các bể tự hoại xây dựng dưới mỗi lô đất. Nước thải sau khi xử lý bằng các bể tự hoại được tiếp tục chảy vào hệ thống rãnh xây B400 thoát nước sau nhà, sau đó qua hệ thống ống HDPE gân xoắn 2 vách D300 và chảy về bể lắng xử lý nước thải của dự án trước khi chảy vào điểm chờ đầu nối về xử lý tại trạm xử lý nước thải tập trung của xã An Dương.

+ Sơ đồ thoát nước thải: Bể tự hoại → hố ga, cống thu nước thải → bể lắng xử lý nước thải → trạm xử lý nước thải tập trung của xã An Dương theo quy hoạch chung → nguồn tiếp nhận là mương nội đồng của xã An Dương.

Trạm xử lý nước thải tập trung của xã An Dương được đặt tại thôn Cầm, Tiêu và An Ngàn, xã An Dương theo quy hoạch chung xây dựng xã An Dương, huyện Tân Yên, đến năm 2035, với quy mô diện tích khoảng 0,54ha, cách dự án khoảng 500m. Nước thải sau xử lý tại trạm xử lý nước thải tập trung đạt QCVN 14:2008/BTNMT, cột A trước khi thải ra ngoài hệ thống mương thoát nước chung của khu vực.

* Khi dự án đi vào hoạt động, trạm xử lý nước thải tập trung của xã An Dương chưa được xây dựng:

+ Nước thải nhà vệ sinh từ các lô đất sẽ được thu gom theo đường ống PVC 110 về xử lý tại các bể tự hoại xây dựng dưới mỗi lô đất. Nước thải sau khi xử lý bằng các bể tự hoại được tiếp tục chảy vào hệ thống rãnh xây B400 thoát nước sau nhà, sau đó qua hệ thống ống HDPE gân xoắn 2 vách D300 và chảy về bể lắng xử lý nước thải của dự án. Khi đó, đơn vị được giao quản lý dự án có

trách nhiệm hợp đồng với đơn vị có chức năng đến hút chất thải tại bể xử lý nước thải của dự án khi đầy đem đi xử lý theo quy định.

b) Nước mưa chảy tràn:

- Hệ thống thoát nước mưa được thiết kế theo nguyên tắc tự chảy. Hệ thống thoát nước thiết kế riêng biệt hoàn toàn với hệ thống thoát nước thải. Cụ thể:

+ Lưu vực thoát nước: Nước mưa của lưu vực được thu gom và thoát vào hệ thống thoát nước mưa theo hướng Bắc xuống Nam, từ Tây sang Đông; đường kính cống thoát nước được thiết kế căn cứ vào lưu lượng nước mưa của dự án và các khu vực lân cận, cống được dùng là cống bê tông cốt thép ly tâm có đường kính từ D400, D600, D1000. Nước mưa được thoát theo một lưu vực chính: Thu gom toàn bộ nước mặt của dự án xả ra cống hiện trạng D1000 phía Đông dự án, sau đó thoát ra kênh tưới tiêu N5/2.

+ Nước mưa trong các lô đất, trên đường được thu về các cửa thu có song chắn rác, rồi tập chung chảy về các hố ga trên tuyến cống thoát nước mưa.

- Đơn vị được giao quản lý dự án có trách nhiệm bố trí nhân công thực hiện nạo vét, kiểm tra hệ thống cống, rãnh, hố ga thu nước, tránh ứ đọng, tắc nghẽn, gây ngập úng và bốc mùi hôi cho khu vực (định kỳ 06 tháng/lần).

4.2.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại

4.2.2.1. Chất thải rắn sinh hoạt

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh tại các hộ gia đình: Người dân sinh sống trong dự án có trách nhiệm thu gom, phân loại rác thải sinh hoạt của mình sau đó tập kết ra cửa nhà mỗi ngày.

- Đơn vị được giao quản lý dự án có trách nhiệm phổ biến, hướng dẫn và yêu cầu các hộ gia đình trong khu vực dự án tuân thủ các quy định, cách thức thu gom, phân loại chất thải rắn theo đúng quy định. Các loại chất thải được bỏ riêng vào các túi chứa khác nhau trước khi tập kết ra cửa nhà.

- Chất thải rắn phát sinh tại các khu vực công cộng: Đơn vị được giao quản lý dự án bố trí các thùng đựng rác, dung tích từ 20 đến 150 lít/thùng, đặt ở trục đường chính, nơi công cộng dễ cư dân sinh sống thuận tiện bỏ rác vào thùng.

- Toàn bộ rác thải phát sinh tại các hộ gia đình trong dự án được đơn vị thu gom rác thải của địa phương thu gom vào cuối buổi chiều mỗi ngày.

- Do đặc thù của dự án là xây dựng hạ tầng khu dân cư với diện tích nhỏ nên để đảm bảo vệ sinh môi trường, cảnh quan của khu vực và theo quy hoạch đã được duyệt, dự án không bố trí bãi tập kết, trung chuyển rác công cộng tại dự án mà người dân sau khi tự thu gom, phân loại và tập kết rác ra ngoài cửa nhà, đơn vị thu gom rác thải của địa phương sẽ đến thu gom theo giờ quy định và vận chuyển rác thải từ khu vực phát sinh đến địa điểm trung chuyển của địa phương trước khi đem đi xử lý theo đúng quy định.

- Đơn vị được giao quản lý dự án có trách nhiệm hợp đồng với đơn vị chức năng đến thu gom, vận chuyển rác thải đem đi xử lý theo quy định (tần suất 01 ngày/lần).

- Bùn thải từ bể tự hoại của các hộ gia đình trong dự án: Các hộ có trách nhiệm thuê đơn vị chức năng hút cặn, thu gom, xử lý bùn cặn từ bể tự hoại của từng công trình.

- Bùn thải phát sinh trong quá trình hoạt động của bể lắng xử lý: Đơn vị được giao quản lý dự án có trách nhiệm hợp đồng với đơn vị chức năng định kỳ đến hút đem đi xử lý theo quy định.

- Chất thải rắn phát từ quá trình bảo dưỡng, duy tu công trình hạ tầng kỹ thuật: Đơn vị nhà thầu thi công bảo dưỡng, duy tu các công trình hạ tầng kỹ thuật sẽ đảm nhận việc thu gom, xử lý toàn bộ các loại chất thải phát sinh theo quy định, đảm bảo không gây ô nhiễm môi trường. Lượng chất thải phát sinh trong quá trình bảo dưỡng, duy tu công trình hạ tầng kỹ thuật được nhà thầu thi công thuê đơn vị có chức năng đến vận chuyển ngay tại nguồn phát sinh đem đi xử lý trong ngày để đảm bảo không gây ảnh hưởng tới môi trường, cũng như mỹ quan.

4.2.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

- Chất thải nguy hại phát sinh từ các hộ dân không nhiều và không liên tục. Đối với chất thải nguy hại phát sinh tại các hộ gia đình, hộ gia đình có trách nhiệm phân loại, thu gom, quản lý và xử lý theo quy định.

- Đơn vị được giao quản lý dự án có trách nhiệm phổ biến các quy định, cách thức thu gom, phân loại chất thải nguy hại, tuyên truyền cho người dân sinh sống trong dự án để người dân thu gom chất thải nguy hại và quản lý theo đúng quy định.

- Đơn vị được bàn giao quản lý dự án có trách nhiệm giám sát quá trình thực hiện thu gom và xử lý chất thải nguy hại của các hộ gia đình này.

4.2.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

- Trồng cây xanh trong khu vực dự án có tác dụng giảm thiểu tiếng ồn, độ rung từ phương tiện giao thông, đồng thời tạo cảnh quan, điều tiết vi khí hậu.

- Đơn vị được bàn giao quản lý dự án có trách nhiệm nhắc nhở đối với các hộ gia đình, khu vực công cộng gây phát sinh tiếng ồn lớn.

4.2.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

- Thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động do các sự cố như: cháy nổ, thiên tai; an toàn giao thông, sự cố vỡ đường ống thu gom nước thải, bể lắng, ...

- Tuyên truyền, giáo dục ý thức phòng, chống cháy nổ cho người dân, đặc biệt vào những tháng hè nắng nóng.

- Các đường dây điện cần thiết kể an toàn, tránh chập mạch gây cháy, kiểm tra định kỳ đường dây điện và các mối nối...

- Tuân thủ các phương án quy hoạch, đảm bảo cao độ cốt nền và xây dựng hệ thống mương rãnh, đảm bảo tiêu thoát nước tự nhiên khi mưa to kéo dài.

- Thường xuyên nạo vét hệ thống cống rãnh, khơi thông dòng chảy, tăng khả năng tiêu thoát úng, thoát nước cho hệ thống thoát nước trong mùa mưa bão.

- Thường xuyên kiểm tra, phát hiện kịp thời các hệ thống cấp, thoát nước khu vực, tránh rò rỉ, thất thoát kéo dài.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của dự án đầu tư

5.1. Giai đoạn thi công, xây dựng (thuộc trách nhiệm của chủ dự án)

5.1.1. Môi trường không khí

- Vị trí giám sát: 01 vị trí tại khu vực đang thi công xây dựng.

- Thông số giám sát: Nhiệt độ, độ ẩm, bụi, tiếng ồn, CO, SO₂, NO₂.

- Tần suất giám sát: 06 tháng/lần.

- Quy chuẩn so sánh:

+ QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí.

+ QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

+ QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

Các tiêu chuẩn, quy chuẩn được sử dụng để so sánh đánh giá chất lượng môi trường trong chương trình giám sát nêu trên là những tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành phù hợp với thời điểm quan trắc, giám sát theo quy định.

5.1.2. Chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại

Thực hiện phân định, phân loại, thu gom chất thải theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

5.2. Giai đoạn vận hành dự án (thuộc trách nhiệm của đơn vị được giao quản lý dự án)

5.2.1. Nước thải sinh hoạt

Lưu lượng nước thải phát sinh của dự án khoảng 37,44 m³/ngày đêm. Khi đó, đối chiếu quy định tại khoản 2 Điều 97 và Phụ lục XXVIII ban hành kèm theo Nghị định 08/2022/NĐ-CP thì dự án không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc nước thải định kỳ.

5.2.2. Chất thải thông thường, chất thải nguy hại

Thực hiện phân định, phân loại, thu gom chất thải theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

- Thực hiện trách nhiệm của chủ dự án theo quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và các quy định khác về trách nhiệm của chủ dự án sau khi báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt kết quả thẩm định trước khi đưa dự án vào hoạt động chính thức theo quy định.

- Thực hiện đúng các giải pháp bảo vệ môi trường đã nêu trong báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt kết quả thẩm định, tổ chức thu gom, xử lý toàn bộ các loại chất thải thi công xây dựng, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại phát sinh từ dự án đảm bảo an toàn và vệ sinh môi trường.

- Hoàn thành xây dựng, vận hành các công trình, thiết bị xử lý chất thải phát sinh đảm bảo xử lý đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành trước khi xả thải ra môi trường; thực hiện các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm khí thải và tiếng ồn đảm bảo các quy định về an toàn và vệ sinh môi trường.

- Tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về ứng cứu sự cố và các quy định khác của pháp luật trong toàn bộ các hoạt động của dự án.

- Trong quá trình thực hiện, nếu dự án có những thay đổi so với báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt kết quả thẩm định, chủ dự án báo cáo bằng văn bản đến UBND tỉnh (qua Sở Tài nguyên và Môi trường để kiểm tra, xem xét) và chỉ được thực hiện những thay đổi sau khi có văn bản chấp thuận.

- Các nội dung khác: Chi tiết tại Tờ trình số 411/TTr-TNMT ngày 15/8/2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường và nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án./.